

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **20/2022/DSST**
Ngày 04/4/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Danh Nguyễn Thúy Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Bé S (Bảo T)**, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp MĐ, xã VKĐ, huyện AM, Kiên Giang.

(Chị Bé S có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh **Lý Thanh P (Sài)**, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp AL, xã BA, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2021, bản tự khai ngày 19/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Bé S trình bày:

Trước tháng 01/2021 dương lịch thì anh Lý Thanh P có nhiều lần mượn tiền của chị nhưng hai bên không làm biên nhận. Đến ngày 05/01/2021, tại quán trà sữa

trên đường 3/2 Tp Rạch Giá anh Lý Thanh P viết và ký biên nhận đề ngày 05/01/2021 dương lịch cho chị Sáu để xác nhận nợ chị Sáu số tiền 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) và thời điểm đó anh P đã thỏa thuận trả số tiền nợ nêu trên mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng bằng hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho chị, trong thời gian là 10 tháng. “*Giấy xác nhận mượn tiền*” đề ngày 5/1/2021 là do anh P tự viết và ký tên. Tuy nhiên, sau đó anh Lý Thanh P không chuyển khoản hoặc trả tiền mặt cho chị như thỏa thuận. Chị S có điện thoại nhắc nhở trả nợ nhưng anh P nói sẽ không trả tiền cho chị và thách thức chị làm đơn kiện. Sau đó, chị nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin nhưng anh P chặn số máy của chị nên chị không thể liên lạc được với anh P.

Nay chị Phan Thị Bé S yêu cầu anh Lý Thanh P phải trả lại cho chị số tiền còn nợ là 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi.

Đối với việc anh P cho rằng đã giao xe Elizabet cho chị để trừ số nợ khoảng gần 10.000.000 đồng thì đó là trừ số nợ 10.000.000 đồng khác nằm ngoài số nợ 30.600.000 đồng.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2021, ngày 20/01/2022, ngày 24/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Thanh P trình bày:***

Trước đây vào khoảng giữa năm 2019, anh P và chị Phan Thị Bé S (tên thường gọi là Bảo T) có quen biết yêu thương nhau. Anh P quen chị Bé S (Bảo T) được khoảng hơn một năm thì đến đầu năm 2021 anh chị chia tay nhau. Từ đó đến nay anh không gặp lại chị Phan Thị Bé S (Bảo T), mặc dù có gọi điện thoại hỏi thăm nhau. Trong khoảng thời gian yêu thương với chị Phan Thị Bé S (Bảo T) thì giữa anh và chị Bé S (Bảo T) có mượn tiền qua lại với nhau, chị Bé S (Bảo T) cũng có mượn tiền anh, anh cũng mượn tiền chị Bé S (Bảo T). Có lần anh mượn tiền của chị Bé S (Bảo T) với số tiền khoảng gần 10.000.000 đồng để chi xài cá nhân, nhưng anh đã trả xong số tiền này cho chị Bé S (Bảo T) bằng cách giao chiếc xe loại Elizabet màu đỏ cho chị Bé S (Bảo T) (xe này anh mua của người anh ở thành phố Hồ Chí Minh, không nhớ tên anh này và không nhớ rõ biển số xe) để trừ nợ. Tuy nhiên, việc giao xe này thì không có làm biên nhận nên anh không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Anh P nhớ là trong thời gian còn yêu nhau thì vào khoảng tháng 01/2021 có lần anh và chị Bé S (Bảo T) đi uống trà sữa ở đường 3/2 Tp Rạch Giá thì chị Bé S (Bảo T) có kêu anh ký giấy và nói là ai đòi chia tay trước thì phải trả số tiền 30.600.000 đồng. Anh hoàn toàn không biết nội dung giấy đó là biên nhận nợ và vì nghĩ là người yêu với nhau nên anh đã ký cho chị Bé S (Bảo T) vui. Ban đầu tờ giấy này là do chị

Bé S (Bảo T) viết nhưng viết sai nên anh nói là để anh viết. Do đó, “*Giấy xác nhận mượn tiền*” *đề ngày 5/1/2021* là do anh P viết và chỉ có một bản, sau khi anh viết và ký tên thì anh đưa cho chị Bé S (Bảo T) giữ. Đến nay chị Bé S (Bảo T) đưa ra tờ giấy này chứng minh anh nợ tiền của chị Bé S (Bảo T) thì anh mới biết tờ giấy mà trước đây anh ký cho chị Bé S (Bảo T) là biên nhận nợ.

Anh Lý Thanh P xác định rằng anh không có vay mượn tiền và không có nợ số tiền 30.600.000 đồng của chị Bé S (Bảo T) nên anh không đồng ý với yêu cầu của chị Bé S (Bảo T). Đối với “*Giấy xác nhận mượn tiền*” *đề ngày 5/1/2021* thì do anh P tự viết và tự ký tên nhưng thực tế là anh không có vay mượn tiền của chị Bé S (Bảo T).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phan Thị Bé S xác định số tiền vay 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) là số tiền do anh P vay mượn của chị nhiều lần cộng dồn lại, nay chị Bé S yêu cầu anh P phải trả lại cho chị số tiền vay còn nợ là 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Bé S buộc bị đơn anh Lý Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Bé S số tiền 30.600.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phan Thị Bé S yêu cầu bị đơn anh Lý Thanh P trả số tiền đã vay nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời bị đơn anh Lý Thanh P có hộ khẩu thường trú tại ấp An Lạc, xã Bình An, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự:* Bị đơn anh Lý Thanh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về quan hệ tranh chấp:* Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 nguyên đơn chị Phan Thị Bé S khởi kiện yêu cầu buộc anh Lý Thanh P trả lại số tiền 30.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi nên Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Thị Bé S xác định rằng đây là số tiền chị cho anh P vay mượn nhiều lần cộng dồn lại nhưng nay chị chỉ yêu cầu anh P trả số tiền vay còn nợ và không yêu cầu tính lãi; nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:* Chị Phan Thị Bé S khởi kiện yêu cầu anh Lý Thanh P phải trả cho chị Bé S số tiền 30.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh P không đồng ý theo yêu cầu của chị Bé S vì cho rằng trong các lần vay mượn tiền trước đó thì anh P đã trả xong cho chị Bé S, anh không còn nợ tiền chị Bé S. Đối với “*Giấy xác nhận mượn tiền*” đề ngày 5/1/2021 thì chị Bé S và anh P đều xác nhận là do anh P tự viết và tự ký tên, nhưng anh P cho rằng vì: trong thời gian còn yêu thương nhau chị S đề nghị anh viết giấy thỏa thuận nếu ai đòi chia tay trước thì phải trả số tiền 30.600.000 đồng, anh hoàn toàn không biết nội dung giấy đó là biên nhận nợ và vì nghĩ là người yêu với nhau nên anh đã ký cho chị Bé S vui.

Hội đồng xét xử xét: trong quá trình giải quyết vụ án chị Bé S cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là: “*Giấy xác nhận mượn tiền*” đề ngày 5/1/2021 và anh P cũng xác định toàn bộ nội dung “*Giấy xác nhận mượn tiền*” đề ngày 5/1/2021 là do anh P tự viết và tự ký tên. Nhưng lý do mà anh P đưa ra để phủ nhận việc không có vay tiền và không còn nợ tiền vay của chị Bé S là không phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bởi:

Thứ nhất, “*Giấy xác nhận mượn tiền*” đề ngày 5/1/2021 là do anh P tự viết và ký tên, nội dung được ghi rất cụ thể, rõ ràng như: “*chị Phan Thị Bé S có cho anh Lý Thanh P vay số tiền 30.600.000 đồng; phương thức thanh toán chuyển khoản ngân hàng Tiên Phong stk 03849321701 hoặc gặp trực tiếp; trong vòng 10 tháng phải trả đủ số tiền đã vay; về số tiền phải trả: mỗi tháng góp 3 triệu vào ngày 01 tây hàng tháng*”.

Thứ hai, anh P cho rằng đó là “*giấy thỏa thuận nếu ai đòi chia tay trước thì phải trả số tiền 30.600.000 đồng*” nhưng trong nội dung “*Giấy xác nhận mượn tiền*” đề ngày 5/1/2021 thì không có ghi nội dung như anh P trình bày mà thay vào đó là nội dung anh P xác nhận việc có vay mượn tiền của chị Bé S. Đồng thời, chính anh

P là người viết và ký tên vào “*Giấy xác nhận mượn tiền*” đề ngày 5/1/2021 thì bắt buộc anh P phải hiểu và biết rõ nội dung anh viết là gì, do đó anh P phải chịu trách nhiệm đối với chữ ký của mình.

Mặt khác, anh P không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc anh đã trả xong các khoản tiền trước đó mà anh vay mượn của chị Bé S và cũng không chứng minh được việc anh không còn nợ tiền vay của chị Bé S như lời khai nại của anh.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị Bé S khởi kiện yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay là 30.600.000 đồng trong một lần là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn chị Phan Thị Bé S không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị Bé S được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Lý Thanh P phải chịu án phí với số tiền là 1.530.000 đồng, nguyên đơn chị Phan Thị Bé S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Bé S.

Buộc anh Lý Thanh P phải trả cho chị Phan Thị Bé S số tiền 30.600.000 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn chị Phan Thị Bé S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn anh Lý Thanh P không trả cho chị Bé S dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng anh P còn phải trả cho chị Bé S thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lý Thanh P phải chịu án phí với số tiền là 1.530.000đ (Một triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Chị Phan Thị Bé S không phải chịu án phí, chị Bé S được nhận lại 765.000đ (Bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000835 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh